**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

Môn học: **Toán**

Tên bài học: **Quãng đường (t1)** ; Tiết: 136

##### **I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* HS tính được quãng đường đi được của một chuyển động đều.
* Vận dụng cách tính quãng đường để giải quyết một số vấn đề thực tiễn.
* HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

##### **II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Bộ đồ dùng học số, thẻ từ, bảng cho nội dung bài học.

HS: Bộ đồ dùng học số.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** |
| **A.Hoạt động Mở đầu. 3’**  – GV cho HS tìm hiểu phần Khởi động.  GV giới thiệu bài. | – HS tìm hiểu nội dung phần Khởi động  HS viết phép tính tìm quãng đường khi biết vận tốc và thời gian di chuyển. |
| * **B.Hoạt động Hình thành kiến thức mới. 12’** Cách tính quãng đường   Ví dụ: Với vận tốc 56 km/giờ thì trong 2 giờ ô tô đi được quãng đường dài bao nhiêu ki-lô-mét?   * Vận tốc 56 km/giờ cho biết điều gì? * Bài toán hỏi gì? * GV nhận xét và kết luận hướng giải quyết:   + Trong 1 giờ ô tô đi được 56 km;  + Trong 2 giờ ô tô đi được 56 × 2 = 112 (km)  Đây chính là quãng đường ô tô đi được trong 2 giờ.   * GV: Hãy suy nghĩ và nêu cách tính quãng đường khi biết vận tốc và thời gian di chuyển. – GV viết trên bảng lớp:   *Muốn tính quãng đường ta lấy vận tốc nhân với thời gian.* | * Trong 1 giờ ô tô đi được 56 km. * Trong 2 giờ ô tô đi được bao nhiêu ki-lô-mét? * HS thảo luận nhóm đôi về cách tìm. * HS lặp lại. |
| * GV nêu: Tương tự bài Vận tốc, nếu gọi v là vận tốc, s là quãng đường, t là thời gian.   + Đơn vị của vận tốc là km/giờ  Đơn vị của thời gian phù hợp là gì?  Khi đó, đơn vị của quãng đường là gì?  + Đơn vị của vận tốc là m/giây  Đơn vị của thời gian phù hợp là gì?  Khi đó, đơn vị của quãng đường là gì?  **Bài toán:** Một người đi xe đạp với vận tốc 14 km/giờ trong 1 giờ 45 phút. Tính quãng đường người đó đã đi được.   * GV có thể gợi ý cho HS.   + Áp dụng công thức s = v x t.  + Đơn vị đo phù hợp là gì?   * GV hệ thống cách làm.   + Tên của từng đại lượng trong phép tính?  + Tại sao phải chuyển 1 giờ 45 phút thành 1,75 giờ?  Sửa bài. | * HS nêu công thức:   s = v t   * HS sử dụng bảng con, viết các đơn vị đo theo yêu cầu của GV.   Giờ  Ki-lô-mét  **Giậy, mét**   * HS đọc đề, thảo luận nhóm đôi. * HS viết phép tính vào bảng con: 14 × 1,75 = 24,5 (km).   + Vận tốc là 14 km/giờ  Thời gian phải đổi sang đơn vị thời gian phù hợp là “giờ”.  Bài giải  1 giờ 45 phút = 1,75 giờ  14 × 1,75 = 24,5  Quãng đường người đó đi được là 24,5 km. |
| **C.Hoạt động Luyện tập, thực hành** *. 10’*  *Thực hành*  **Bài 1:**   * Khi sửa bài, GV nêu từng câu, HS trả lời.   **Bài 2:**   * Sửa bài, GV có thể cho HS chơi tiếp sức,   **khuyến khích** HS **giải thích** cách làm. | * HS **đọc** yêu cầu. * HS **làm** bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  1. ki-lô-mét b) mét    * HS **đọc** yêu cầu.    * HS **làm** bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.      * + HS **giải thích** cách làm. Ví dụ: s = v × t   s = 18,5 × 6 = 111 (km)  … |
| **D.Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm. 10’** *Luyện tập*  **Bài 1:**   * Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích**   cách làm.  GV nhận xét và kết luận. | * HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết** cái đã cho (v, t) và cái phải tìm (s). * HS **thảo luận** nhóm đôi, liên hệ với quy tắc hoặc công thức tính quãng đường. * HS **làm** bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.   Bài giải 45 2,4 = 108  Quãng đường xe máy đi được là 108 km. – HS **giải thích** cách làm.  Ví dụ: Áp dụng công thức s = v × t với v = 45 km/giờ và t = 2,4 giờ.  s = 45 × 2,4 = 180 (km)  ... |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………..…………………………………………………..

……………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………….

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*